TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 665/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 8, ngày 15 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 297/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ HKTT: Số 218/1 đường B, Phường A, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số 54/1 đường BP, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Ông Trương Chứng M, sinh năm 1983.

Địa chỉ HKTT: Số 218/1 đường B, Phường A, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số 80/68 đường H, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trần Thị T và ông Trương Chứng M.

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2, quyển số 01/2009 do Uỷ ban nhân dân Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2009.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Trương Quốc H, giới tính: nam, sinh ngày 25/01/2011 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông M có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản chung: Cả hai xác nhận không có.

- Về nợ chung: Cả hai xác nhận không có.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng bà Trần Thị T tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0016560 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà T số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8, TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Thắng